

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

- Bản án số: 26/2022/HNGĐ - ST
- Ngày: 12 - 4 - 2022
- V/v: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*".

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Văn Hợp**
2. Ông **Nguyễn Duy Khương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 438/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị Ú**, sinh năm 1990

(Chị Ú có mặt tại phiên tòa)

2. *Bị đơn:* Anh **Danh N**, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: ấp Thạnh H, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang

(Anh N vắng mặt lần 2 không có lý do chính đáng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thị Ú trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2009, chị và anh Danh Nh quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới đến năm 2013 chị và anh Nhất đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được UBND xã Thanh Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2013.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, tính tình không hợp nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên chị và anh Nhất đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Ú làm đơn yêu cầu ly hôn với anh Nh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Danh H, sinh ngày 15/5/2010, hiện nay sống cùng với chị, chị Út xin được tiếp tục nuôi dưỡng con theo nguyện vọng của con và không yêu cầu anh Nhất cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thị Ú xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh Nh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án nhưng anh Danh Nhất cố tình trốn tránh không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Qua thời gian luật định anh Danh Nh vẫn không tự khai và cũng không có ý kiến gởi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng chị Ú và anh Nh có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Nhất vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập anh Nhất đến lần thứ hai nhưng anh Nh vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Ú vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Nh. Anh Nh vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã

tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Trang: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh Nhất: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh Nhất tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Út.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Châu Thị Hoài khởi kiện “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung* ” với anh Danh Nh và bị đơn anh Danh Nhất có địa chỉ cư trú tại ấp Thạnh H, xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành, Kiên Giang và tại biên bản xác minh ngày 27/12/2021 của chính quyền địa phương, hiện tại bị đơn anh Danh Nhất vẫn còn sinh sống và làm việc tại địa phương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Danh Nh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay chị Hoài thống nhất xét xử vắng mặt anh Nh nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 BLTTDS nên HĐXX xét xử vắng mặt anh Nh là hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Ú trình bày, vào năm 2009 chị và anh Danh Nh chung sống với nhau như vợ chồng và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật được UBND xã Thạnh Lộc cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/8/2013.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị Ú yêu cầu ly hôn với anh Danh Nh: Hội

đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị Ú xác nhận, sau khi kết hôn chị và anh Danh Nh sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị Thị Ú nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, anh Nh không lo làm ăn, không quan tâm vợ con nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị cùng áp để sinh sống và ly thân với anh Nh từ tháng 10/2020 đến nay. Đối với anh Danh Nh mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị Thị Ú và anh Danh Nh có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh Nhất vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến thứ hai để anh Nhất có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh Nh vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh Nhất không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị Thị Ú. Đồng thời chị Ú vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Nhất và trên thực tế anh chị đã ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng anh Nh không còn tự nguyện chung sống với chị Thị Ú nữa nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ú về việc xin ly hôn với anh Nhất là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Thị Ú xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có con chung là Danh Huy, sinh ngày 15/5/2020 hiện đang sống cùng chị Ú. Nay chị Ú yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Huy và chị không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng tại biên bản ghi ý kiến của cháu Huy thì cháu Huy có nguyện vọng sống với chị Ú nên HĐXX thống nhất giao cháu Huy cho chị Ú nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Thị Ú không yêu cầu anh Nh cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nhất đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nhất vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Thị Út và anh Nhất được. Hơn nữa tại phiên tòa chị Thị Út xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài

sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[2.4] Về nợ chung: Chị Thị Út xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị Ú về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con đối với anh anh Danh Nh là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Chị Thị Ú là nguyên đơn trong vụ án, do đó chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh Nhất không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 2, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị Út về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung ” với anh Danh Nhất.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị Út và anh Danh Nhất.

2. Về con chung: Giao cháu **Danh Huy**, sinh ngày 15/5/2010 cho chị Thị Ú tiếp tục nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Huy) và chị Thị Ú không yêu cầu anh Danh Nh cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

Anh Nhất có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thị Ú xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Chị Thị Ú xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000926, ngày 15/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Anh Danh Nh không phải chịu án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Pì Sách

